



KẾ TOÁN CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHỮNG VƯỚNG MẮC TỪ GÓC NHÌN CHÍNH SÁCH

TS. Lâm Thị Hồng Hoa
ĐH Ngân hàng TP.HCM

Công cụ tài chính (CCTC) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của các ngân hàng thương mại (NHTM), do đó việc đánh giá và ghi nhận giá trị của những CCTC này như thế nào sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá trị của toàn bộ tài sản trong ngân cũng như khả năng xét đoán, dự báo của các nhà đầu tư về tình trạng kinh doanh của các NHTM. Ngoài yếu tố kỹ thuật, các chính sách, quan điểm quản lý kinh tế của mỗi quốc gia có những ảnh hưởng đáng kể đến việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế để đánh giá, ghi nhận CCTC. Xác định các vướng mắc về chính sách là một trong những điều kiện để từ đó có những quy tắc hợp lý hơn cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị CCTC là một khía cạnh khác mà bài viết này đề cập.

Sự đa dạng trong phân loại và khó khăn trong việc đo lường giá trị CCTC ghi nhận trên báo cáo tài chính (BCTC) của các tổ chức kinh tế đã, đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của những nhà quản lý và những nhà đầu tư; do đó từ năm 1984 Ủy ban Chuẩn mực kế toán Quốc tế (International Accounting Standards Committee - IASC) và Hội đồng Chuẩn mực kế toán Quốc tế (International Accounting Standards Board - IASB) đã nghiên cứu và ban hành các chuẩn mực kế toán quốc tế về CCTC nhằm tạo lập sự thống nhất - về nguyên tắc - cách ghi nhận, đánh giá các CCTC. Việc áp dụng các hướng chung của những chuẩn mực này để đánh giá, ghi nhận giá trị các CCTC lại tùy thuộc khá nhiều vào sự hiểu biết

về CCTC của các chuyên gia kế toán, quản lý tài chính vào đặc thù phát triển kinh tế và luật pháp của mỗi quốc gia. Đặc biệt do đặc thù kinh doanh mà giá trị CCTC chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của các NHTM, vì thế những vướng mắc về chính sách liên quan đến việc đánh giá, ghi nhận giá trị CCTC sẽ ảnh hưởng lớn đến tính minh bạch thông tin tài chính của các NHTM.

Điểm qua việc ghi nhận giá trị công cụ tài chính của các NHTM

CCTC - thuật ngữ được giải thích theo Điều 3 Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày BCTC và thuyết minh

thông tin đối với CCTC - là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính (TSTC) của đơn vị và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

TSTC là các loại tài sản sau: tiền mặt, công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác, quyền theo hợp đồng để: (i) Nhận tiền mặt hoặc CCTC khác từ đơn vị khác; (ii) Hoặc trao đổi các CCTC hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho đơn vị; Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của mình mà TSTC - cũng là các CCTC - chiếm phần lớn trong tổng tài sản của các NHTM. Ngoài độ lớn về giá trị, tính đa dạng của

các TSTC trong hoạt động kinh doanh của các NHTM cũng là điều phải quan tâm vì đặc điểm này ảnh hưởng rất nhiều đến việc ghi nhận cũng như đánh giá giá trị của chúng.

Số liệu Bảng 1 cho thấy các TSTC chiếm trên 94% tổng giá trị tài sản của các ngân hàng, do đó nếu áp dụng các phương pháp đánh giá những tài sản này khác nhau thì có thể mức độ sai

lệch về tổng giá trị tài sản rất lớn. Để rõ hơn chúng ta xem thông tin BCTC được trình bày theo hai hệ chuẩn mực kế toán khác nhau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Bảng 2 và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) Bảng 3.

Bảng 1: Cơ cấu tài sản của hai mươi NHTM

Đơn vị tính: %

| TT | Chỉ tiêu | 2010 | 2009 | 2008 | 2007 | 2006 | 2005 | 2004 |
|----|---|-------|------|------|------|------|------|------|
| 1 | Tiền mặt, tiền gửi tại NHNN | 4,22 | 5.8 | 9.8 | 8.2 | 8.2 | 7.1 | 6.5 |
| 2 | Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 17,37 | 14.4 | 13.5 | 13.5 | 15.9 | 15.9 | 15.3 |
| 3 | Chứng khoán kinh doanh | 0,54 | 1.7 | 1.2 | 0.7 | 0.8 | 2.8 | 2.6 |
| 4 | CCTC phái sinh khác | 0,01 | 0.04 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 5 | Cho vay khách hàng | 58,32 | 60.6 | 57.4 | 60.2 | 60.0 | 61.6 | 64.5 |
| 6 | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 8,36 | 6.8 | 6.4 | 10.4 | 9.2 | 6.6 | 6.0 |
| 7 | Chứng khoán giữ đến đáo hạn | 4,44 | 4.1 | 4.9 | 3.4 | 2.1 | 2.3 | 1.7 |
| 8 | Góp vốn đầu tư dài hạn | 0,79 | 0.7 | 1.0 | 0.9 | 0.7 | 0.4 | 0.3 |
| 9 | Tổng TSTC | 94,03 | 94.1 | 94.3 | 97.3 | 97.0 | 96.8 | 96.9 |
| 10 | Tài sản phi tài chính | 5,97 | 5.9 | 5.7 | 2.7 | 3.0 | 3.2 | 3.1 |
| 11 | Tổng tài sản | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |

Nguồn: Số liệu từ năm 2004-2009 của Nguyễn Thị Thu Hiền (2010), số liệu năm 2010 là tính toán tương tự của tác giả

Bảng 2: Trích Bảng Cân đối kế toán năm 2010 của BIDV

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | IFRS | VAS | Chênh lệch |
|--|--------------------|--------------------|-------------------|
| Cho vay khách hàng sau khi trừ dự phòng rủi ro | 247.732.592 | 248.898.483 | -1.165.891 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 29.664.750 | 29.540.332 | 124.418 |
| Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | 1.613.270 | 1.773.240 | -159.970 |
| Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết | 1.740.163 | 2.497.449 | -757.286 |
| Tổng Tài sản | 361.953.781 | 366.267.769 | -4.313.988 |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.878.719 | 4.625.568 | - 746.867 |

Ghi chú: BIDV đã công bố BCTC lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS - Vietnam Accounting Standards) và chuẩn mực kế BCTC quốc tế (IFRS - International Financial Reporting Standards) suốt từ năm 2002-2010

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2010 của BIDV

Bảng 3: Trích Bảng Cân đối kế toán năm 2008 của Agribank

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | IFRS | VAS | Chênh lệch |
|--|--------------------|--------------------|-------------------|
| Cho vay khách hàng sau khi trừ dự phòng rủi ro | 291.917.365 | 288.940.827 | 2.976.538 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 39.466.190 | 38.447.179 | 1.019.011 |
| Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | 4.402.427 | 4.245.787 | 156.640 |
| Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết | 420.326 | 962.463 | -542.137 |
| | | | |
| Tổng Tài sản | 396.993.075 | 400.485.183 | -3.492.108 |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.965.618 | 2.788.767 | 1.176.851 |

Ghi chú: Agribank cũng thực hiện công bố BCTC lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế từ năm 2004-2008, năm 2009 chỉ công bố thông tin tài chính theo VAS, năm 2010 Agribank chỉ công bố thông tin tài chính theo VAS trên website đến quý 3. Các ngân hàng khác chưa thực hiện cách công bố BCTC như BIDV và Agribank

Nguồn: BCTC năm 2008 của Agribank

Sai biệt về giá trị tài sản và lợi nhuận trước thuế giữa hai cách ghi nhận trên là có ý nghĩa đối với người sử dụng thông tin BCTC. Sai biệt này cho thấy nếu Việt Nam áp dụng đầy đủ chuẩn mực kế toán quốc tế thì có thể kết quả kinh doanh của nhiều ngân hàng sẽ không tốt như hiện nay đang có, mức độ rủi ro cũng được đánh giá cao hơn, chi phí của ngân hàng được tính đầy đủ hơn....

Mặc dù việc lập BCTC theo IFRS là không bắt buộc nhưng nếu ngân hàng lập BCTC theo cả VAS lẫn IFRS thì thông tin cung cấp cho người sử dụng sẽ rõ ràng hơn.

Sai biệt này cũng cho thấy VAS và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam còn có nhiều điểm chưa tương đồng với các chuẩn mực kế toán quốc tế, nhất là chuẩn mực ghi nhận, đánh giá, trình bày CCTC, trong khi hoạt động kinh doanh ngân hàng có sự hội nhập quốc tế khá sâu,



mặc dù Bộ Tài chính đã cho phép hệ thống ngân hàng được áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 32 “CCTC: Trình bày”, IAS 39 “CCTC: Ghi nhận và đo lường” và IFRS 7 “CCTC: Công bố” để thực hiện kế toán và Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC về việc hướng dẫn áp dụng IAS 32 và IFRS 7.

Các ngân hàng khác chưa công bố BCTC tương tự như hai ngân hàng này không có nghĩa là họ vi phạm nguyên tắc trình bày BCTC, đơn giản chỉ vì việc áp dụng các chuẩn mực IAS 32, 39 và IFRS 07 chưa phải là yêu cầu bắt buộc, hơn nữa việc áp dụng các chuẩn mực này để ghi nhận, đánh giá tài sản của ngân hàng cũng không hề đơn giản.

Chính sách kế toán chủ yếu được trình bày trong thuyết minh BCTC các NHTM chủ yếu dựa vào

các quy định của NHNN về nghiệp vụ, chẳng hạn trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, chứ chưa trình bày cách định giá khoản vay theo giá trị hợp lý hay theo nguyên giá phân bổ...

Những khó khăn khi ghi nhận, đánh giá công cụ tài chính tại các NHTM

- Sau khi thay đổi hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng vào năm 2004 và bổ sung sửa đổi hai lần, lần cuối vào năm 2008, NHNN đã hướng dẫn nguyên tắc ghi nhận ban đầu đối với các CCTC, tuy nhiên những hướng dẫn chỉ cụ thể đối với các loại chứng khoán, kinh doanh ngoại tệ. Những hướng dẫn này cũng chưa

đề cập đến cách đánh giá giá trị của các tài sản hoặc nợ tài chính bằng cách đo lường theo giá trị hợp lý hay nguyên giá phân bổ. Loại CCTC chiếm tỷ trọng lớn nhất của các NHTM là số dư cho vay và các tổn thất nếu có thì gần như chỉ phản ánh theo giá trị ban đầu. Như vậy việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế thực ra mới chỉ dừng ở việc trình bày và công bố CCTC là chủ yếu. Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng chỉ hướng dẫn về trình bày và thuyết minh CCTC.

- Sự phức tạp của CCTC trong cả phân loại lẫn đánh giá nên chính các chuẩn mực kế toán quốc tế về lĩnh vực này cũng đã phải thay đổi nội dung liên tục, do vậy khi các nhà lập pháp tìm hiểu chuẩn mực kế toán quốc tế để viết quy định riêng cho Việt Nam, hoặc viết hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế chưa kịp hiểu hết các chuẩn mực cũ thì đã phải cập nhật thông tin mới (Hiện nay IFRS 9 đã được ban hành thay thế cho IFRS 7 và IAS 39). Mặt khác hoạt động kinh doanh tại các ngân hàng Việt Nam ngày một phát triển về quy mô và đa dạng về sản phẩm do tiếp nhận và ứng dụng ngày càng nhiều các sản phẩm ngân hàng trên thế giới, tốc độ đổi mới sản phẩm khá nhanh nên vấn đề quản lý vĩ mô cũng gặp trở ngại. Vì thế cho đến nay

các chuẩn mực kế toán dành riêng cho các doanh nghiệp thuộc nhóm tài chính vẫn chưa được ban hành ngoại trừ chuẩn mực kế toán Việt Nam số 22.

- Việc cung cấp những kiến thức liên quan đến CCTC hiện mới chỉ được triển khai chủ yếu cho các giảng viên, một số cán bộ nghiên cứu trong khi những người trực tiếp thực hiện kế toán, lập BCTC như các kế toán trưởng của các ngân hàng, công ty tài chính và một vài đối tượng liên quan khác như thanh tra viên, kiểm toán viên nội bộ... chưa được đào tạo bài bản và thường xuyên cập nhật sự thay đổi cũng là nguyên nhân cản trở việc áp dụng chuẩn mực và đánh giá tính hợp lý của việc ghi nhận giá trị tài sản trong ngân hàng. Mặt khác sự phân loại CCTC thành các nhóm khác nhau cũng phụ thuộc vào quan điểm của nhà quản trị, do đó nếu bản thân nhà quản trị chưa có sự hiểu biết thấu đáo về lĩnh vực này cũng sẽ gặp trở ngại nhất định.

- Việc có ghi nhận, đánh giá CCTC phù hợp hay chưa phù hợp trong thực tế chưa có tác động nhiều đến sự thay đổi của số thuế mà NHTM phải nộp và do các NHTM Việt Nam cũng chưa tham gia nhiều vào thị trường tài chính thế giới do đó chưa tạo ra động lực để các ngân hàng quan tâm đến khía cạnh này.

- Bản thân người sử dụng thông tin trên BCTC ngân hàng cũng mới chỉ quan tâm đến số lợi nhuận được công bố chứ cũng chưa đánh giá xem yếu tố nào ảnh hưởng đến sự thay đổi lợi nhuận trong thời gian tới của ngân hàng nên cũng không tạo ra sức ép buộc các ngân hàng phải trình bày tài sản của mình theo yêu cầu chung của chuẩn mực kế toán quốc tế.

Kiến nghị

- Bộ Tài chính cần nghiên cứu ban hành ngay chuẩn mực kế toán về đánh giá, trình bày và công bố CCTC trên cơ sở nghiên cứu nội dung chuẩn mực IFRS 9 và cần có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá giá trị CCTC tại các thời điểm ghi nhận ban đầu, đánh giá lại, dừng ghi nhận, hay cơ cấu lại.

- Ban hành hướng dẫn đánh giá CCTC cho nhóm doanh nghiệp ngành tài chính. Hiện tại dự thảo hướng dẫn đánh giá CCTC mà Bộ Tài chính đưa ra chỉ phục vụ cho các doanh nghiệp phi tài chính trong khi các doanh nghiệp tài chính có lượng, chủng loại CCTC lớn, phức tạp lại chưa được hướng dẫn. Việc trao đổi hợp đồng tài chính giữa các doanh nghiệp sẽ tạo ra những bút toán có giá trị ghi nhận tương đương nhau thực hiện ở hai hay nhiều chủ thể khác nhau nên nếu hướng dẫn không đồng bộ sẽ tạo ra sự khập

khởing, khó cho hoạt động giám sát rủi ro thị trường tài chính.

- Trang bị kiến thức về CCTC kỹ hơn cho các đối tượng liên quan về đặc điểm tài sản, các loại giá sử dụng trong đánh giá, ghi nhận, cách phân loại... Hiệp hội kế toán, trung tâm đào tạo nghiệp vụ của các NHTM và các trường đại học có chuyên ngành tài chính – ngân hàng sẽ là những đơn vị cung cấp kiến thức thông qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn và chương trình đào tạo sinh viên chính quy.[■]

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày BCTC và thuyết minh thông tin đối với CCTC.*
2. Ngân hàng Nhà nước (2005), *Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.*
3. Nguyễn Thị Thu Hiền (2010), *IFRS 9 - Những thay đổi so với IAS 39 và tác động đến kế toán các ngân hàng thương mại, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng số 52, tháng 7/2010.*